CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Trung Đô

Ngày 30/09/2025	9,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	11.6%	-

DT thuần
Q3/25
91.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼39.4| -30.1%
YoY: ▼29.4| -24.3%

LN thuần
Q3/25
-23.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.5| -1923%
YoY: ▼26.5| -810%

LN sau thuế
Q3/25
-23.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.5| -8701%
YoY: ▼23.6| -6054%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-13.6%
YoY: +/-▼ 22.0%

ROE (TTM)
Q3/25
-1.4%
YoY: +/-▼ 3.2%

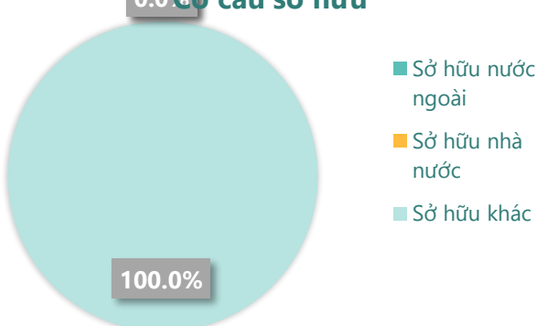
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 14,279
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	288
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	420
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.18
EPS	-349
P/E	-27.5

DT thuần
9T 2025
310
tỷ VNĐ
YoY: ▼44.0| -12.3%

LN thuần
9T 2025
-41.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.2| -267%

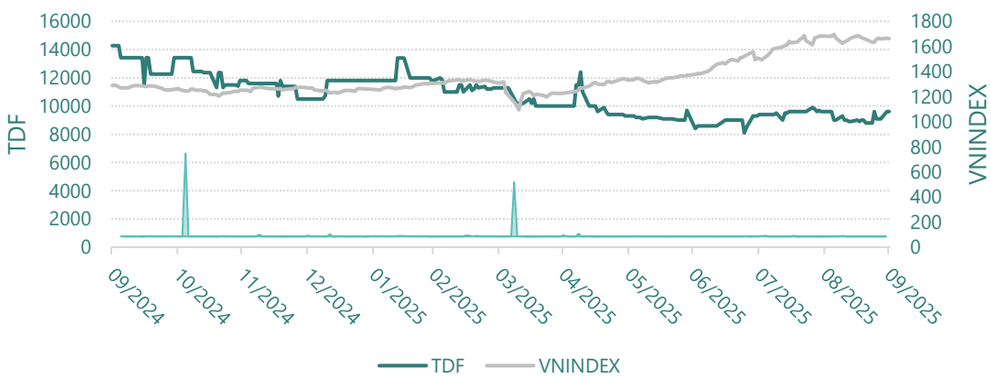
LN sau thuế
9T 2025
-44.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.4| -136%

Cơ cấu sở hữu

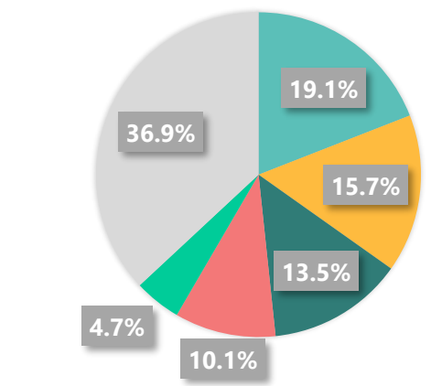


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

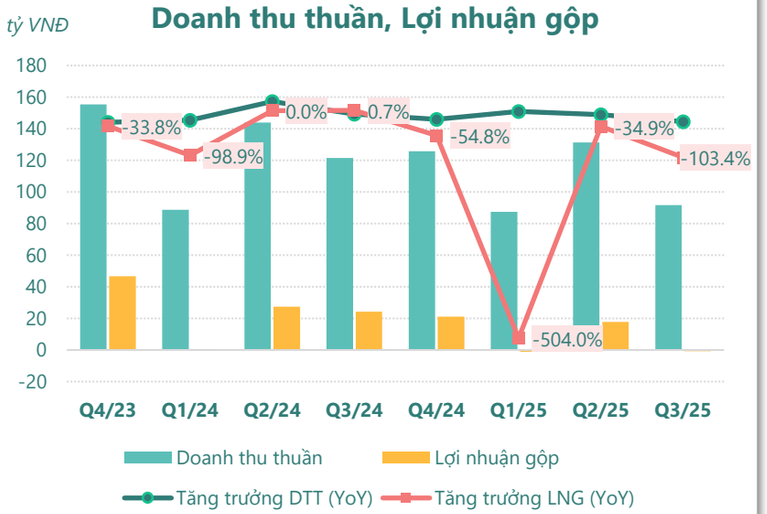


- Nguyễn Thị Mỹ Cảnh
- Nguyễn Hồng Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Hoàng Phương Nga (Thành viên HĐQT)
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP
- CTCP Phượng hoàng PNIX
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

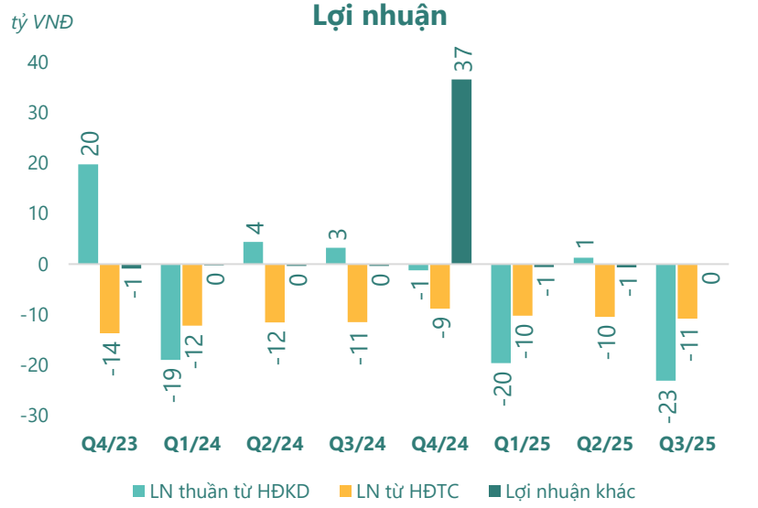
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



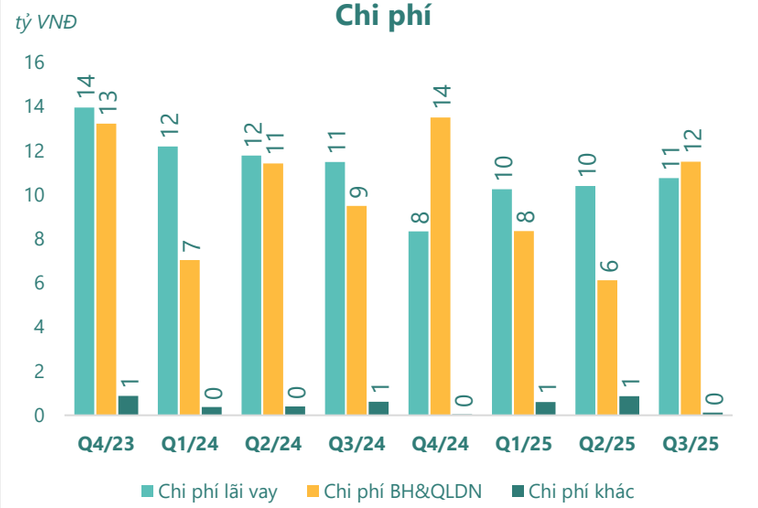
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



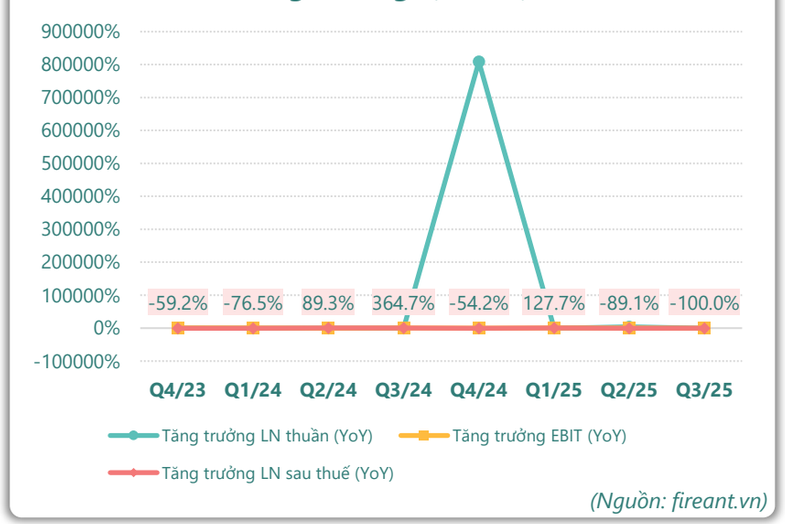
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



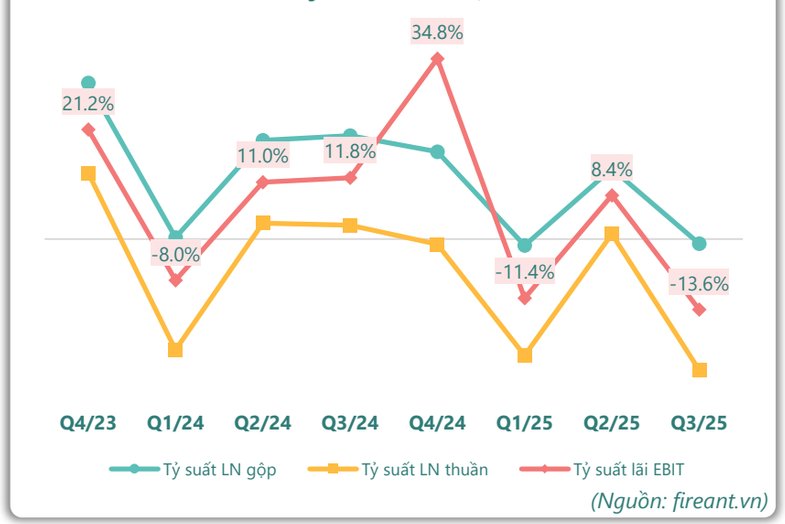
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

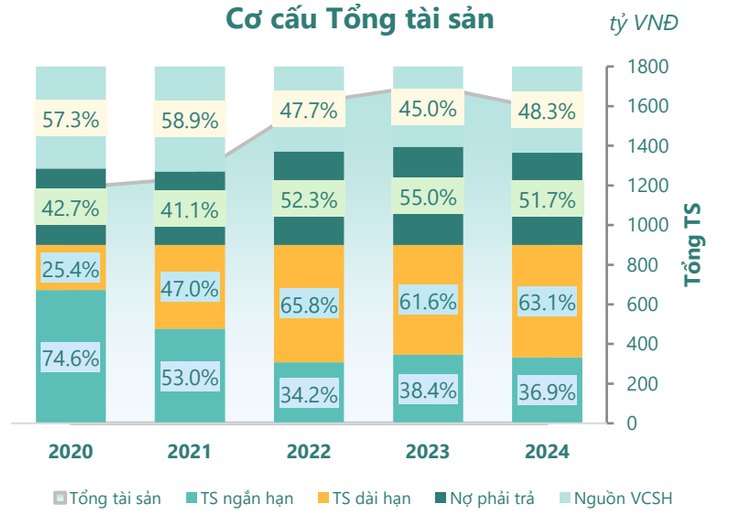
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

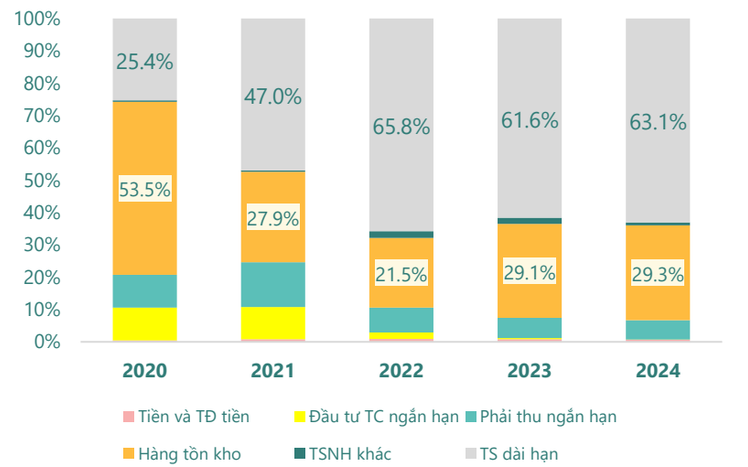
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



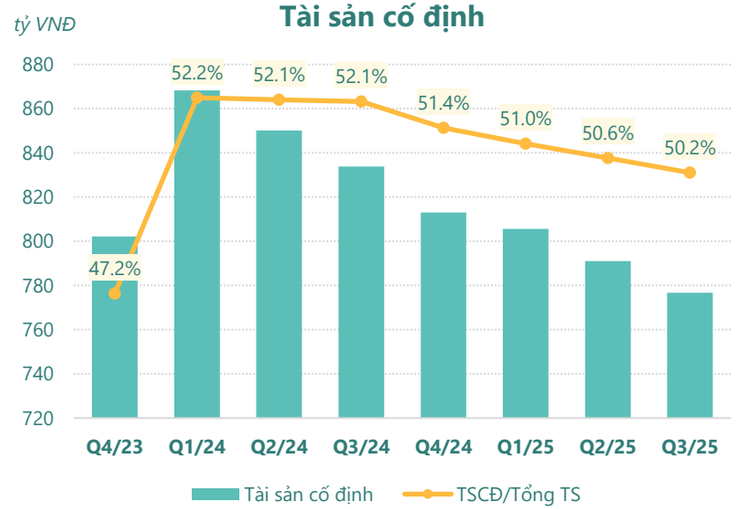
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



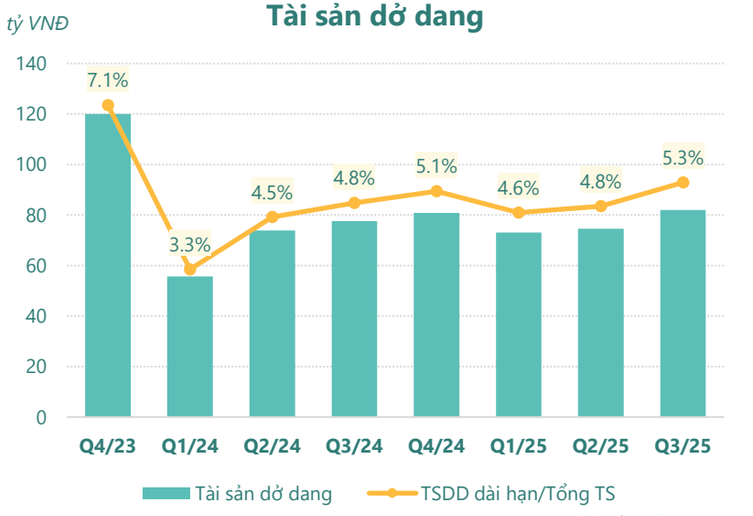
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



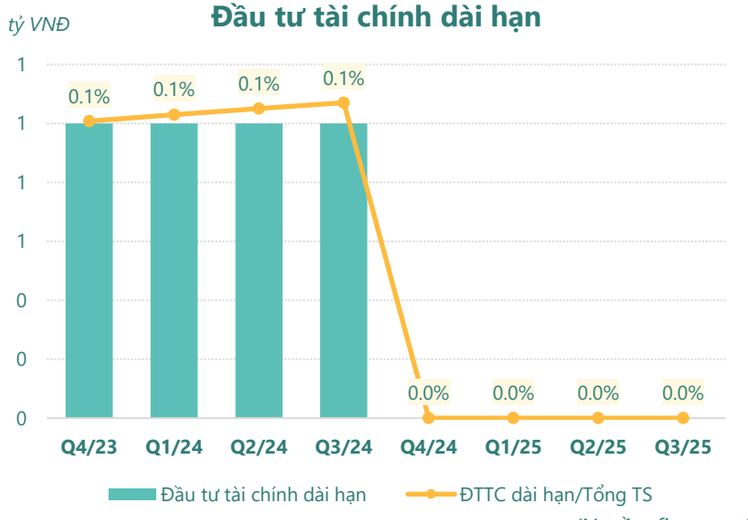
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



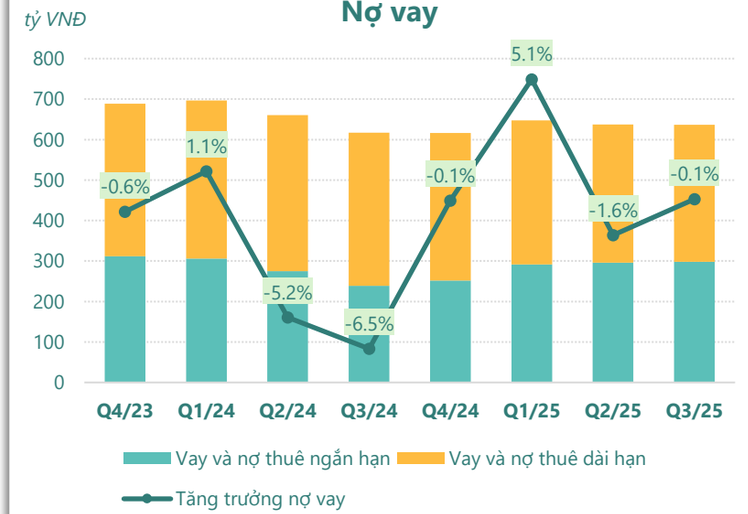
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

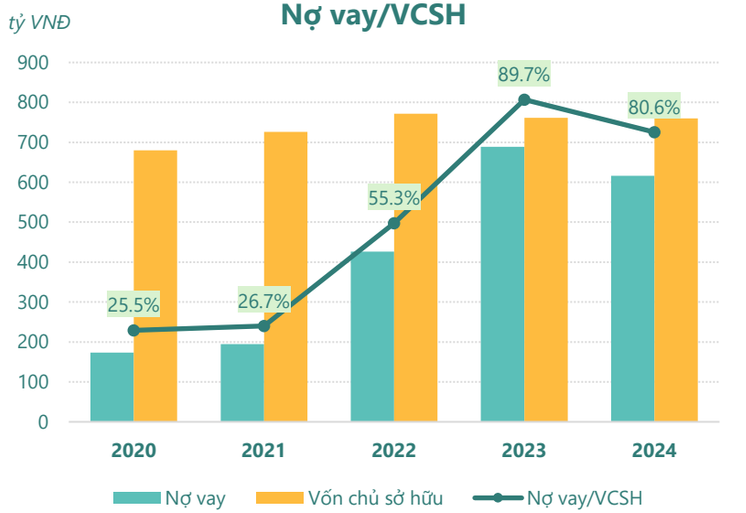
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

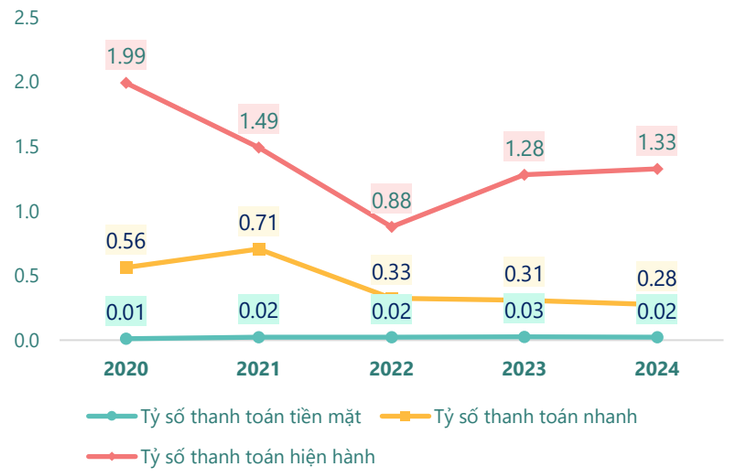
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



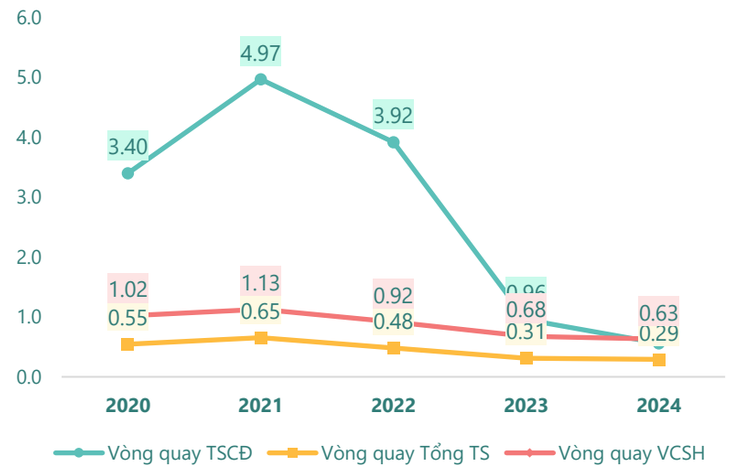
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



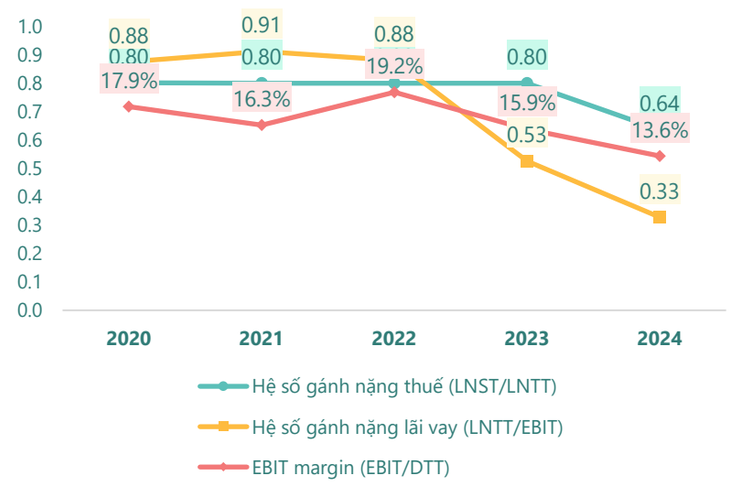
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



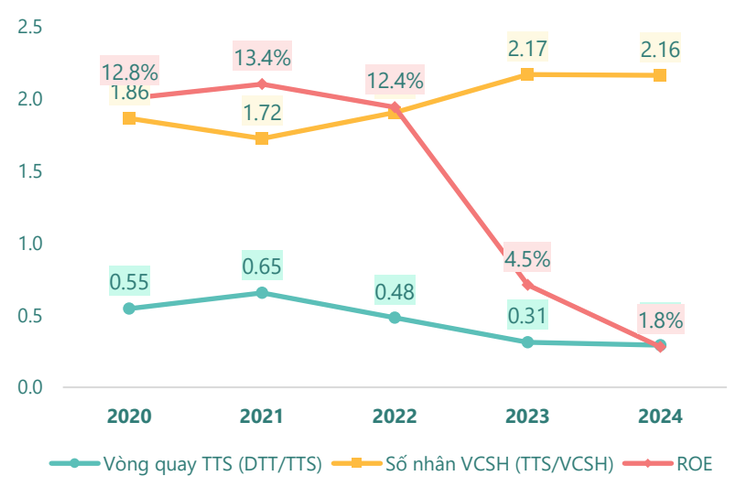
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



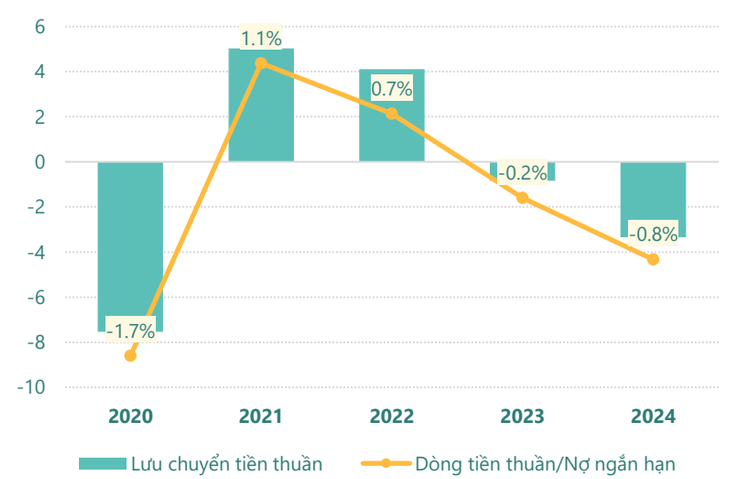
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**91.6**	**121**	**-24.3%**	**310**	**354**	**-12.3%**
Giá vốn hàng bán	92.4	97.2	-4.9%	294	302	-2.5%
Lợi nhuận gộp	-0.83	24.2	-103%	15.9	51.9	-69.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.04	0.19	-79.1%
Chi phí TC	10.8	11.5	-6.0%	31.5	35.5	-11.1%
Chi phí lãi vay	10.8	11.5	-6.5%	31.4	35.5	-11.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.40	5.84	-24.7%	14.3	16.6	-13.8%
Chi phí QLDN	**7.11**	**3.65**	**94.7%**	**11.7**	**11.4**	**2.6%**
LN thuần từ HĐKD	-23.2	3.26	-810%	-41.5	-11.3	-267%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**-0.38**	**82.1%**	**-1.28**	**-1.02**	**-24.8%**
LN trước thuế	-23.2	2.88	-906%	-42.8	-12.3	-247%
Lợi nhuận sau thuế	**-23.2**	**0.39**	**-6054%**	**-44.1**	**-18.7**	**-136%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-23.2**	**0.39**	**-6054%**	**-44.1**	**-18.7**	**-136%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.8	28.5	15.3	1.00	-11.4	11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.57	-2.53	-3.35	-21.3	11.6	-9.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.4	-30.8	-5.27	20.8	-5.02	-4.15
Tiền đầu kỳ	5.15	8.01	3.18	9.89	10.3	5.48
Lưu chuyển tiền thuần	**2.86**	**-4.83**	**6.71**	**0.45**	**-4.86**	**-1.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.01	3.18	9.89	10.3	5.48	3.55

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,546**	**1,582**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	585	584	0.1%
Tiền và tương đương tiền	3.55	9.89	-64.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	104	95.3	9.2%
Hàng tồn kho	454	463	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	21.7	15.0	44.8%
Tài sản dài hạn	**961**	**997**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	2.89	0.31	822%
Tài sản cố định	777	824	-5.7%
Bất động sản đầu tư	71.6	74.8	-4.2%
Tài sản dở dang	82.0	71.0	15.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**27.8**	**27.3**	**1.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	826	817	1.0%
Nợ ngắn hạn	**474**	**440**	**7.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	298	252	18.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.2	80.5	-22.8%
Nợ dài hạn	351	377	-6.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	339	364	-7.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**720**	**765**	**-5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**716**	**760**	**-5.8%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**4.53**	**4.71**	**-3.8%**

(Nguồn: fireant.vn)